

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGỮ PHÁP CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG ĐA HƯỚNG TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN¹
NGUYỄN THỊ THỦY CHUNG²

Abstract: In the word class system of languages, along with nouns and adjectives, verbs are also one of the three basic parts of speech. In speech activities, verbs in general and multi-directional motion verbs in particular have a diverse and rich combination ability, which can take on many different syntactic functions in sentences. The article focuses on analyzing some grammatical features of multi-directional motion verbs in English and Vietnamese to highlight their similarities and differences.

Key words: *verbs, motion verbs, multi-direction, grammatical features.*

1. Dẫn nhập

Trong hệ thống từ loại, động từ là từ loại thực từ cực kì phức tạp xét trên phương diện ngữ pháp cũng như ngữ nghĩa. Động từ có khả năng kết hợp rất đa dạng, phong phú, có thể đảm nhận và chi phối nhiều thành phần cú pháp quan trọng trong câu. Do đó, đối chiếu đặc điểm ngữ pháp cũng như ngữ nghĩa của từ loại động từ nói chung, một nhóm động từ nói riêng trong các ngôn ngữ thuộc loại hình khác nhau là hướng nghiên cứu thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam.

Nghiên cứu đối chiếu một nhóm động từ cụ thể của hai ngôn ngữ thuộc loại hình khác nhau như tiếng Anh và tiếng Việt, ngoài ý nghĩa lí luận chỉ rõ những tương đồng, khác biệt về đặc điểm ngữ pháp, đặc trưng ngữ nghĩa của các động từ trong hai ngôn ngữ, kết quả nghiên cứu còn có giá trị thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng trong việc giảng dạy tiếng Anh, tiếng Việt như một ngoại ngữ, trong công tác biên dịch, biên soạn giáo trình và biên soạn từ điển đối chiếu.

Theo Talmy [9, tr.27], động từ chuyển động tiếng Anh thể hiện ba thành tố ngữ nghĩa, đó là: cách thức chuyển động như *hop (nhảy lò cò), run (chạy)*; gây khiến chuyển động như *kick (đá)*; hướng chuyển động như *exit (ra), enter (vào)*. Mặt khác, yếu tố hướng chuyển động có thể được diễn tả trong tiếng Anh bằng động từ và bằng các giới từ, ví dụ như *out of (ra ngoài), into (vào trong)*. Theo đó, ngoài nhóm động từ chuyển động gây khiến (có tác nhân gây ra chuyển động) thì còn có nhóm động từ chuyển động tự thân mang một hướng chuyển động cụ thể như *ascend (lên), exit (ra), enter (vào)* và nhóm động từ chuyển động chỉ cách thức chuyển động, không

^{1,2} Trường Đại học Thương Mại.

mang hướng chuyển động trong bản thân động từ, thể hiện các dạng khác nhau của chuyển động như *run (chạy)*, *climb (trèo)*, *swim (bơi)*,... và có thể chuyển động theo nhiều hướng (đa hướng). Hướng chuyển động đối với các động từ nhóm này phụ thuộc vào từ chỉ hướng hoặc danh từ chỉ địa điểm mà chúng kết hợp.

Động từ chuyển động đa hướng (ĐTCĐĐH) khảo sát trong bài viết được hiểu là các động từ chuyển động chỉ cách thức chuyển động, có thể chuyển động theo nhiều hướng (từ hai hướng trở lên), tự thân vận động trong các môi trường chuyển động như trên cạn, trên không và dưới nước. Khi muốn thể hiện hướng chuyển động cụ thể, chúng phải kết hợp với từ chỉ hướng hoặc địa điểm. Theo đó, thuộc nhóm động từ này trong tiếng Anh, chúng tôi lựa chọn 10 động từ: *run (chạy)*, *go (đi)*, *walk (đi bộ)*, *jump (nhảy)*, *climb (trèo)*, *creep (bò)*, *step (bước)*, *dive (lặn)*, *swim (bơi)*, *fly (bay)*; trong tiếng Việt 10 động từ: *chạy, đi, nhảy, trèo, bò, bước, lặn, bơi, leo, bay*.

2. Đặc điểm ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh

2.1. Khả năng kết hợp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh

(a) Động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh đều có khả năng kết hợp với trợ động từ tình thái biểu thị sự ngăn cấm, khuyên bảo như: *should (nên)*, *must (phải)*, *can (có thể)*,...

Modal verb + Multi-direction motion verb

(Trợ động từ tình thái + ĐTCĐĐH)

Ví dụ:

- *Scarlett, he said, **can't** we go away and forget that we have ever said these things?* (*Scarlett, chúng ta **không thể tiến xa** hơn được và em hãy quên những gì chúng ta vừa nói*). (*Gone with the wind*, Margaret Mitchell, tr.107)

- *Ah. You and I **shall go** to Torcello, a beautiful little island with a wonderful restaurant, the Locanda Cipriani.* (*A! Cô và tôi **sẽ đi** Torcello, một hòn đảo tuyệt đẹp với tiệm ăn thượng hạng, tiệm Locanda Gipriani*) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.163)

(b) Động từ chuyển động đa hướng có khả năng kết hợp với trạng từ như: *fast (nhanh)*, *quickly (nhanh)*; *slowly (chậm)*;...

Multi-direction motion verb + Adverb

(ĐTCĐĐH + trạng từ)

Ví dụ:

- *They **walked slowly**, looking at the animals in the cages. Don't they hate being locked up, Papa?* (*Cả nhà **đi chậm rãi**, ngắm nhìn các con thú trong chuồng. Chúng nó không ghét việc bị nhốt vậy à, bố?*) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.35)

- *The years **creep slowly** by, Lorena!* (*Tháng năm **chầm chậm trôi qua**, Lorena!*) (*Gone with the wind*, Margaret Mitchell, tr.152)

(c) Động từ chuyển động đa hướng đều có khả năng kết hợp với các giới từ chỉ hướng trong tiếng Anh như: *up (lên), down (xuống), into (vào trong), out of (ra ngoài),...*

Multi-direction motion verb + Preposition of direction + Noun phrase

(ĐTCĐDH + giới từ chỉ hướng + ngữ danh từ)

- *He turned and walked out of the room. (Chàng quay gót bước ra khỏi phòng) (Gone with the wind, Margaret Mitchell, tr.679)*

(d) Một số động từ chuyển động đa hướng như *walk, run, swim* có dạng “Verb + ing” (danh động từ) được dùng sau động từ *go* để chỉ các hoạt động thể thao như: *go walking (đi bộ), go running (đi chạy), go swimming (đi bơi),...*

Go + (Multi-direction motion verb + ing)

(e) Động từ tiếng Anh có khả năng tạo các tổ hợp cụm động từ (verb phrases) gồm động từ (verb) kết hợp với tân ngữ/ bổ ngữ/ từ bổ nghĩa khác và động từ cụm (phrasal verbs) gồm động từ (verb) kết hợp với tiểu từ (particle) tạo thành nghĩa riêng biệt. Tiểu từ trong động từ cụm có thể là trạng từ hoặc giới từ hoặc cả hai. Các mô hình tạo các tổ hợp của động từ tiếng Anh cụ thể như sau:

Verb + object/complement/other modifier = verb phrase
(Động từ + tân ngữ/bổ ngữ/từ bổ nghĩa khác = cụm động từ)

Verb + adverb/preposition/both = phrasal verb
(Động từ + trạng từ/giới từ/cả trạng từ và giới từ = động từ cụm)

Tuy nhiên, khả năng tạo thành các động từ cụm (phrasal verbs) là đặc điểm điển hình của động từ trong tiếng Anh. Động từ chuyển động đa hướng tiếng Anh cũng không ngoại lệ, chúng có thể kết hợp với trạng từ (adverb) hoặc giới từ (prepositional) hoặc cả hai để tạo thành các động từ cụm có nghĩa riêng biệt.

2.2. Đặc điểm cú pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh

Cũng giống như các động từ khác trong tiếng Anh, động từ chuyển động đa hướng có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong câu. Ví dụ:

- *She walked into the sitting room and the two women closed about her. (Nàng bước vào phòng khách và hai người phụ nữ sát lại bên nàng.) (Gone with the wind, Margaret Mitchell, tr.951)*

Các động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh có thể là nội động từ hoặc ngoại động từ. Điều này có nghĩa là chúng có thể có hoặc không có bổ ngữ (theo sau). Khi dùng độc lập không có bổ ngữ chúng là nội động từ. Khi có bổ ngữ theo sau chúng là ngoại động từ. Ví dụ:

- *He must have jumped the fence right over there. (Hắn ông ta đã nhảy qua hàng rào chỗ đó) (Gone with the wind, Margaret Mitchell, tr.652).* Trong câu này, *jump* là ngoại động từ;

- She began to **climb**, scanning the grounds below. (Nàng bắt đầu leo lên, mắt vẫn trông chừng phía dưới đất) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.177) - *climb* là nội động từ.

Cũng như các động từ khác trong tiếng Anh, các động từ chuyển động đa hướng chủ yếu là nội động từ và ngoại động từ. Chúng có khả năng kết hợp với các thành tố khác tạo thành các tổ hợp động từ đa thành tố (multi-word verb) với các cấu trúc như sau:

(i) Nội động từ động từ cụm (intransitive phrasal verb) không có tân ngữ đi kèm:

V + adv (Động từ + trạng từ)

Ví dụ: **run** across (đi ngang qua); **go** out (đi ra)

V + adv + prepositional phrase
(Động từ + trạng từ + cụm giới từ)

Ví dụ: **run** away from a difficult situation (cố tránh tình huống khó)

V + prepositional phrase (Động từ + cụm giới từ)

Ví dụ: **go** out of the room (đi ra khỏi phòng)

(ii) Ngoại động từ động từ cụm (transitive verb) có bổ ngữ đi kèm:

V + somebody + particle
(Động từ + bổ ngữ chỉ người + tiểu từ)

Ví dụ: **run** somebody down (xe hoặc lái xe đâm vào ai hoặc hất ai xuống đất)

Các ĐTCĐĐH cũng giống như các động từ khác trong tiếng Anh đều mang những đặc trưng ngữ pháp về thời, thể, ngôi, số, thức. Ví dụ:

- *Gingerly, she **jumped** over it.* (Nàng đã nhảy qua nó một cách thận trọng) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.178) - Thì quá khứ, ngôi thứ 3 số ít; thể chủ động.

- *Let me **go**!* (Hãy để tôi đi!) (*Gone with the wind*, Margaret Mitchell, tr.542) - Thức mệnh lệnh;

- *... and the door **was locked*** (... và cánh cửa được khóa chặt) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.98) - Động từ ở thì quá khứ, ngôi thứ 3 số ít; thể bị động.

Các từ phái sinh của động từ chuyển động đa hướng ở dạng danh động từ (gerund) có dạng *Verb^{ing}* có thể đảm nhiệm các chức năng ngữ pháp khác nhau: chủ ngữ, tân ngữ, bổ ngữ (subject, object, complement). Cụ thể:

(a) Làm chủ ngữ

- *Strange that **going** away with Asley did not seem like a sin, but with Rhett...* (Thật cũng kỳ, nàng không thấy bỏ trốn với Asley là tội lỗi, nhưng với Rhett thì ...) (*Gone with the wind*, Margaret Mitchell, tr.501)

(b) Làm tân ngữ

- *She scooped the chamois bag into her pocket and started **running** toward the stairs.* (Nàng ấn cái túi da vào trong áo rồi **chạy** ra hướng cầu thang) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.106)

Nhóm động từ này gồm những động từ đa hướng chỉ cách thức chuyển động nên bản thân nó không mang hướng. Khi muốn thể hiện hướng chuyển động, chúng cần sử dụng với từ chỉ hướng và/ hoặc đích không gian. Ví dụ:

- *I must **run upstairs** and smooth my hair.* (Tôi cần **chạy lên** lầu để chải tóc lại) (*Gone with the wind*, Margaret Mitchell, tr.89)

- *She **climbed up on** the table and closed her eyes.* (Nàng **trèo lên** bàn, nhắm mắt lại) (*If tomorrow comes*, Sidney Sheldon, tr.29)

2.3. Ý nghĩa ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh

Tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình nên các đặc điểm ngữ pháp như thời, thể, dạng, thức của ngôn ngữ này hầu hết được thể hiện bằng các phương tiện hình thái học. Khác với tiếng Việt, ngôn ngữ đơn lập, các ý nghĩa ngữ pháp này lại được thể hiện qua các phương tiện từ vựng (hư từ) và trật tự từ. Giống như các động từ tiếng Anh khác, động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh có 5 hình thức thể hiện ý nghĩa ngữ pháp ngay trong động từ bao gồm: nguyên thể (base); chia ngôi thứ 3 số ít (thường = verb + s); quá khứ (thường = verb + ed); phân từ quá khứ (thường giống quá khứ = verb + ed); và phân từ hiện tại (verb + ing).

3. Đặc điểm ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt

3.1. Khả năng kết hợp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt

Khác với tiếng Anh, tiếng Việt không phải là ngôn ngữ biến hình nên động từ nói chung và ĐTCĐĐH nói riêng chỉ có một hình thức duy nhất. Trong hoạt động, ĐTCĐĐH có khả năng kết hợp đa dạng và phong phú. Các khả năng này có thể được khái quát hóa trong cấu trúc ngữ pháp của một tổ hợp tự do theo quan hệ chính phụ do động từ làm trung tâm và xung quanh nó vây quanh các thành tố phụ thuộc nhiều kiểu loại khác nhau. Cấu trúc ngữ pháp đó thường được gọi là “cụm động từ” (theo Đinh Văn Đức [1, tr.131]).

Thành tố phụ	trung tâm	thành tố phụ
(Nó) cứ	chạy	xung quanh chủ (Phố, Chu Lai, tr.127)
(Cả tập) lục tục	đi (theo)	Lãm (Phố, Chu Lai, tr.143)

Quan hệ giữa trung tâm và thành tố phụ là quan hệ chính phụ, phần trung tâm không thể lược bỏ. Các thành tố phụ ở phần đầu cụm động từ mang tính chất hư nhiều hơn thực. Các thành tố phụ ở phần cuối của cụm động từ chủ yếu là các thực từ, đa dạng và phức tạp về kiểu loại. Trong cấu trúc cụm động từ có các ĐTCĐĐH làm trung tâm, thành tố phụ có thể đứng phía trước hoặc phía sau động từ trung tâm. Ví dụ:

- (Con chó) lúc nào cũng **kè kè đi theo Lãm - đi theo kè kè** (Phố, Chu Lai, tr.187)

- (Loan) **lặng lẽ đi ra - đi ra lặng lẽ** (Phố, Chu Lai, tr.189).

Thành tố phụ trước trong cụm động từ có động từ chuyển động đa hướng làm trung tâm là các thành tố phụ chỉ tình thái vừa thể hiện ý nghĩa ngữ pháp, vừa mang ý nghĩa tình thái. Căn cứ vào ý nghĩa ngữ pháp của các từ phụ trong quan hệ với động từ ở trung tâm có thể chia chúng thành nhiều nhóm. Cụ thể là các nhóm sau đây:

(a) Những từ chỉ sự tồn tại của chuyển động và quan hệ của chuyển động với thời gian: *đã, đang, sẽ, còn, từng, sắp*

Động từ tình thái - ngữ pháp + ĐTCĐĐH

Ví dụ:

- Long **còn đi lang thang**. (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.303)

- Cô bé **đã chạy đến sà vào lòng**. (Phố, Chu Lai, tr.64)

(b) Các từ biểu thị sự phủ định: *không, chẳng, chưa*

Từ biểu thị sự phủ định + ĐTCĐĐH

Ví dụ:

- *Nếu lúc ấy bà vợ ở trong nhà **không chạy** kịp ra đỡ thì có lẽ cái vết thương ở ngực năm xưa đã đốn ông gục xuống nền nhà*. (Phố, Chu Lai, tr.287).

- *Không! Em **không đi***. (Phố, Chu Lai, tr.39).

(c) Các từ chỉ đặc điểm của chuyển động trong quan hệ với chủ thể: *cũng, vẫn, lại, cứ,...*

Từ chỉ đặc điểm của chuyển động + ĐTCĐĐH

Ví dụ:

- Long **cứ đi**. (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.304)

- Long **đi qua nhà Mịch mà cứ đi mãi**. (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.377)

(d) Nhóm các từ với ý nghĩa mức độ của chuyển động: *rất, hơi, khi, quá*.

ĐTCĐĐH + ý nghĩa mức độ của chuyển động

Ví dụ:

- Sao mẹ bỏ con **đi lâu quá thế?** (Phố, Chu Lai, tr.266)

- Long **đi hơi nhanh**. Mịch không theo kịp. (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.379).

(e) Các từ chỉ cách thức của chuyển động: *phăng phăng, chậm chậm, lục tục,...*

Từ cách thức chuyển động + ĐTCĐDH

Ví dụ:

- Cà tốp **lục tục đi theo**. (Phố, Chu Lai, tr.143).

- Xe đương **phăng phăng chạy** thì đến gần một chỗ ngoặt (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.159).

Khả năng kết hợp của các động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt rất đa dạng và phong phú. Trước hết, vì không chứa đựng nét nghĩa hướng vận động/ chuyển động trong ý nghĩa của mình nên trong hoạt động ngôn ngữ các động từ chuyển động đa hướng đều có khả năng kết hợp với tất cả từ chỉ hướng vận động như: ra, vào, lên, xuống, sang, qua, lại, tới, đến, về.

Ví dụ:

- Chạy + ra/ vào/ lên/ xuống/ sang/ qua/ lại/ tới/ đến/ về/ đi

- Bay + ra/ vào/ lên/ xuống/ sang/ qua/ lại/ tới/ đến/ về/ đi

- Bò + ra/ vào/ lên/ xuống/ sang/ qua/ lại/ tới/ đến/ về/ đi

Trong một số trường hợp, ĐTCĐDH cũng có thể chỉ kết hợp với từ chỉ hướng mà không cần có đích không gian. Trong trường hợp này yếu tố không gian được hiểu ngầm ẩn.

Ví dụ:

Cô ấy vừa chạy ra/ vào/ về. (không gian ở đây được hiểu ngầm là địa điểm phát ngôn hoặc địa điểm nào đó đã rõ)

Như vậy, có thể thấy hoạt động chuyển động được thể hiện bằng các động từ này thường rất tự do về hướng. Chúng có thể dùng độc lập như một nội động từ. Tuy nhiên, khi đi với đích không gian thì hầu như bắt buộc phải có từ chỉ hướng vận động/ chuyển động đi kèm. Nguyễn Lai đã đưa ra kết cấu mô hình liên hệ giữa ba phạm trù VẬN ĐỘNG + HƯỚNG + ĐÍCH [2, tr. 89].

Vận động	Hướng	Đích
<i>Bước</i>	<i>vào</i>	<i>lớp</i>
<i>Chạy</i>	<i>ra</i>	<i>sân</i>
<i>Bò</i>	<i>lên</i>	<i>thềm</i>
<i>Nhảy</i>	<i>xuống</i>	<i>hầm</i>

Theo Nguyễn Lai, “chuyển động - đích - hướng”, những nhân tố này phần lớn không tồn tại tự thân và tách rời mà liên quan với nhau rất mật thiết trong hoạt động thực tiễn, đặc biệt là trong hoạt động chuyển động không gian có đích. Vì vậy chúng ta không thể nói “*chạy ... nhà*” hay “*bước ... sân*” mà phải nói *chạy về nhà* hay *bước ra sân*. Tất nhiên, có một số trường hợp có thể ẩn hướng trong lời nói thông báo nhưng trong nhận thức của người tiếp nhận vẫn tồn tại yếu tố hướng. Ví dụ như trong cụm từ *đi lớp*, người nghe vẫn nhận thức được nghĩa của nó vẫn giống như *đi đến lớp*. Ở đây, từ chỉ hướng *đến* đã được ẩn đi. Nhưng cần phân biệt với các trường hợp đặc ngữ như: *đi biển, đi tu, đi rừng, đi khách*, thì các từ đứng sau động từ biểu thị đích của hoạt động hay địa điểm của hoạt động.

Trong hoạt động ngôn ngữ, các động từ chuyển động đa hướng tiếng Việt có thể kết hợp với nhiều đơn vị từ vựng khác nhau tạo nên nhiều cụm động từ có giá trị định danh khác nhau. Ví dụ:

Chạy: chạy loạn, chạy chợ, chạy dai sức, chạy điện, chạy đua, chạy việt dã,...

Đi: đi bách bộ, đi đêm về hôm, đi đạo, đi đôi, đi đứng, đi rầy, đi tây, đi tu, đi tua, đi hội,...

Bò: bò lê bò càng, bò lê bò la, bò lê kéo càng,...

Nhảy: nhảy bổ, nhảy cao, nhảy xa, nhảy cầu, nhảy cóc, nhảy dây, nhảy dù, nhảy lò cò, nhảy múa,...

3.2. Đặc điểm cú pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt

Về ý nghĩa khái quát, động từ chuyển động đa hướng mang ý nghĩa hoạt động di chuyển, dời chỗ, nhưng không chứa nét nghĩa hướng hoạt động, di chuyển. Bản thân ý nghĩa đặc trưng của động từ chuyển động đa hướng sẽ chỉ phối những hoạt động cú pháp.

(a) Động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong câu.

Ví dụ:

- *Đến giờ phút chót cuối cùng, Loan **chạy** vào thông báo.* (Phố, Chu Lai, tr.350)

- *Sau cùng Tú Anh **bước** xuống thang, sau khi bảo con sen cũng xuống theo.* (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.332)

- *Em **đi** Sầm Sơn về.* (Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.396)

Động từ chuyển động đa hướng tiếng Việt có thể là nội động từ hoặc ngoại động từ, nghĩa là chúng có thể dùng độc lập hoặc kết hợp với các thành phần khác. Theo Nguyễn Lai [2], khi đi vào hoạt động, chúng có thể dùng độc lập như một nội động từ không nhất thiết phải có các thành phần khác. Ví dụ: *Chim bay; Ngựa chạy; Em bé bò*. Nhóm động từ này không mang hướng, phản ánh hoạt động năng động có ý thức của con người. Đã là hoạt động di chuyển thì đương nhiên có quan hệ gắn bó với phạm vi không gian và phạm vi thời gian. Trong ý nghĩa không gian, cái quan trọng nhất là ý nghĩa định vị và ý nghĩa phương hướng. Ý nghĩa của ĐTCĐĐH không chứa đựng nét nghĩa hướng, nên sau động từ bắt buộc phải có thành tố phụ chỉ hướng và chỉ nơi chốn (bỏ ngữ chỉ địa điểm). Khi cần chỉ đích, hướng chuyển động, các động từ

này phải kết hợp đích không gian. Ví dụ: *Chim bay về tổ; Em bé bò vào nhà; Nó chạy ra sân* (trong các ví dụ này, các từ chỉ hướng như *về, vào, ra* bắt buộc phải có không thể bỏ đi). Bồ ngữ chỉ địa điểm, nơi chốn có quan hệ rất chặt chẽ khi sử dụng các động từ này.

Theo phân tích trên đây, có thể thấy rằng các ĐTCĐĐH là những động từ biểu thị hoạt động di chuyển không có hướng, mà tự thân chỉ hàm nghĩa di chuyển và cách thức di chuyển. Trong hoạt động ngôn ngữ, chúng thường phải có từ chỉ hướng đi kèm (từ chỉ hướng kết hợp với từ chỉ nơi chốn thành bồ ngữ chỉ nơi chốn)

(b) Động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt có thể kết hợp với các thành phần khác tạo thành cụm động từ và cụm động từ này đảm nhiệm chức năng làm trạng ngữ trong câu

Ví dụ:

- *Đi làm về đến cửa, nghe được câu ấy, chị muốn chui tọt xuống đất, vậy mà ông chồng còn ngoác miệng ra cười* (Phố, Chu Lai, tr.22).

- *Đi được nửa đường, trời bỗng đổ mưa to* (Phố, Chu Lai, tr.36)

Trong các ví dụ nêu trên, các cụm từ có động từ đi làm trung tâm (*đi làm về đến cửa, đi được nửa đường*) đều làm chức năng trạng ngữ trong câu.

(c) Động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt có thể đảm nhiệm chức năng làm chủ ngữ

Ví dụ:

- *Đi là đúng, vì ở lại sẽ hỏng việc.* (Phố, Chu Lai, tr.415)

- *Đi bộ cũng là một thứ rèn luyện thể lực.* (Phố, Chu Lai, tr.16)

3.3. Ý nghĩa ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt

Khác với tiếng Anh, ngôn ngữ biến hình, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập. Ý nghĩa ngữ pháp của từ trong tiếng Việt như số, giống ở danh từ và ý nghĩa về thời, thể, dạng, thức ở động từ không được thể hiện bằng các phương tiện hình thái học như tiếng Anh mà chúng được thể hiện qua các phương tiện từ vựng (hur từ) và trật tự từ. Động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Việt cũng không ngoại lệ, ý nghĩa về thời, thể dạng, thức,... của nhóm động từ này cũng được thể hiện bằng các phương tiện từ vựng (hur từ) và trật tự từ. Do đó, cùng một nội dung, ý nghĩa ngữ pháp, ở tiếng Anh nó được biểu hiện bằng phụ tố bên trong động từ nhưng ở tiếng Việt nó lại được biểu thị bằng hur từ (từ mang ý nghĩa ngữ pháp chuyên dụng và hoạt động kèm theo động từ). Các hur từ như *được, bị* đi kèm với động từ biểu thị thể bị động của động từ trong tiếng Việt. Tuy nhiên, các ĐTCĐĐH ít khi được dùng ở thể bị động. Các hur từ đi kèm với động từ như *hãy, đừng, chớ* biểu thị thức mệnh lệnh. Các hur từ đi kèm với động từ biểu thị thời của động từ như *đã, rồi* (chỉ hành động xảy ra ở quá khứ); *đang* (chỉ hành động đang xảy ra ở hiện tại); *sẽ* (chỉ hành động sẽ xảy ra ở tương lai).

Ví dụ:

- *Ông chủ đi đâu rồi?* (*Giông tố*, Vũ Trọng Phụng, tr.265) (*rồi*: là hur từ biểu thị hành động đã xảy ra ở quá khứ)

- *Còn cô, cô sẽ đi lấy chồng ngay sau đó và mang cái điều thâm kín kia cùng với cô xuống mồ* (Phó, Chu Lai, tr.168) (sẽ: là hư từ biểu thị hành động xảy ra ở tương lai)

4. Đối chiếu đặc điểm ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng trong tiếng Anh và tiếng Việt

4.1. Những điểm giống nhau

+ Trong cả hai ngôn ngữ Anh và Việt, ĐTCĐĐH đều có thể kết hợp với từ chỉ tình thái ngăn cấm, khuyên bảo và còn có thể kết hợp với các ngữ danh từ. Ngoài ra chúng còn có thể kết hợp với các từ chỉ hướng để thể hiện rõ hướng và đích chuyển động chẳng hạn như trong tiếng Anh chúng kết hợp với các giới từ chỉ hướng như *out of/ into/ up/ down,...* Trong tiếng Việt chúng kết hợp với các từ chỉ hướng như *ra/ vào/ lên/ xuống,...*

Ví dụ:

- *She ran out into the street and waved at him. (Nàng chạy ra phố và vẫy anh ta). (Gone with the wind, Margaret Mitchell, tr.328)*

+ Thuộc một trong các phạm trù từ loại cơ bản của các ngôn ngữ, ĐTCĐĐH trong tiếng Anh và tiếng Việt đều có thể đảm nhiệm nhiều chức năng cú pháp khác nhau trong câu (làm vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, chủ ngữ,...). Trong các chức năng cú pháp đó, vị ngữ là chức năng chủ yếu của ĐTCĐĐH,...

Ví dụ:

- *You must go for a doctor. (Cô phải đi tìm một bác sỹ)* (*Gone with the wind, Margaret Mitchell, tr.752*)

- Ông đồ **nhảy** trên mặt đất, như giã phải đóng kiến lửa. (*Giông tố, Vũ Trọng Phụng, tr.171*)

4.2. Những điểm khác nhau

Do sự khác biệt về loại hình giữa tiếng Anh và tiếng Việt nên về phương diện hình thái học, từ trong hai ngôn ngữ này có nhiều điểm khác biệt rõ rệt.

+ Tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết. Trong hoạt động ngôn ngữ, từ có biến đổi hình thái, nên ý nghĩa ngữ pháp của từ, quan hệ ngữ pháp của từ nói chung, của động từ bao gồm ĐTCĐĐH nói riêng, được thể hiện ngay trong bản thân từ. Trái lại, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, trong hoạt động ngôn ngữ, từ không biến đổi hình thái mà chỉ có một hình thái duy nhất. Vì vậy, các ý nghĩa ngữ pháp của từ, quan hệ ngữ pháp của từ trong đó có động từ bao gồm cả ĐTCĐĐH được biểu thị ở ngoài từ, chủ yếu bằng các từ công cụ (hư từ) và trật tự từ. Hãy so sánh câu tiếng Anh: *He went to school* với câu tiếng Việt: *Nó đã đi đến trường học*. Để biểu thị thời gian đã xảy ra của hoạt động di chuyển *go* trong tiếng Anh, động từ này bắt buộc phải biến đổi hình thái từ *go* thành *went*; trong khi động từ *đi* tiếng Việt vẫn giữ nguyên hình thái nhưng lại phải có hư từ *đã* đi kèm trước động từ để biểu thị thời gian hành động *đi* đã xảy ra.

+ Trong tiếng Anh, *thời, thể, ngôi, dạng, thức* là những phạm trù ngữ pháp của động từ nói chung và ĐTCĐĐH trong tiếng Anh nói riêng. Trong tiếng Việt (ngôn ngữ đơn lập), động từ nói

chung và ĐTCĐĐH nói riêng, không có các phạm trù về thời, thể, ngôi, dạng, thức như tiếng Anh vì không có các hình thức ngữ pháp tương ứng thể hiện các ý nghĩa ngữ pháp này. Ý nghĩa ngữ pháp của động từ chuyển động đa hướng tiếng Việt được thể hiện rõ qua cách sử dụng của các hư từ và trật tự từ. Ví dụ: *Cô ấy đã đi rồi.* (*đã* là hư từ thể hiện hành động *đi* ở quá khứ).

+ Cũng do sự khác biệt về loại hình, trong hoạt động ngôn ngữ, động từ trong tiếng Anh nói chung, ĐTCĐĐH nói riêng, có khả năng kết hợp với tiểu từ tạo nên động từ cụm (phrasal verb) với nghĩa riêng biệt. Trong trường hợp này, hầu hết các động từ không còn mang nghĩa chuyển động nữa mà đã được dùng với nghĩa chuyên, tức nghĩa phi không gian. Đây là một đặc điểm riêng biệt của động từ tiếng Anh, trong đó bao gồm cả nhóm ĐTCĐĐH. Ví dụ: *jump at somebody* (*chỉ trích ai*); *run up again something* (*trái qua điều khó khăn*). Trái lại, các ĐTCĐĐH trong tiếng Việt có khả năng kết hợp đa dạng và phong phú hơn nhiều: chúng có thể kết hợp với các loại phụ từ khác nhau đứng trước chúng để biểu thị các ý nghĩa ngữ pháp khác nhau của động từ, đồng thời có thể kết hợp với các thành tố phụ thuộc nhiều từ loại khác nhau (danh từ, tính từ, động từ, số từ) đứng sau chúng tạo thành những cụm từ có động từ làm thành tố trung tâm: *đang đi làm*; *cần bơi đúng kĩ thuật*; *phải trèo nhanh lên cây*; *hãy bơi thuyền vào bờ*.

+ Tiếng Anh và tiếng Việt thuộc hai nền văn hóa khác nhau, hai xã hội phát triển khác nhau, nên động từ ĐTCĐĐH trong hai ngôn ngữ này tuy có thể cùng kết hợp với danh từ nhưng trong một số trường hợp những động từ này không còn là những ĐTCĐĐH mà mang ý nghĩa trừu tượng. Chẳng hạn, trong tiếng Anh có *run a company* (*điều hành công ty*) hay *run a risk* (*chịu rủi ro*) mà tiếng Việt *chạy* không thể kết hợp được với các danh từ tạo ra nhưng ý nghĩa như vậy. Ngược lại, trong tiếng Việt có các cụm từ *chạy má*, *chạy tang*, *chạy trường*, *chạy án*, *chạy ăn*, *chạy chợ*, *chạy dự án*... thì *run* trong tiếng Anh không thể kết hợp với danh từ để tạo thành những cụm từ mang ý nghĩa tương ứng như thế. Điều này cũng có thể lí giải được là do ảnh hưởng của phong tục tập quán và tư duy ngôn ngữ, văn hóa nên ngôn ngữ của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc có sự phát triển nghĩa của từ ngữ không giống nhau và cách nói khác nhau.

5. Kết luận

Qua những miêu tả và phân tích trên, có thể khẳng định rằng các ĐTCĐĐH trong tiếng Anh và tiếng Việt đều có khả năng đảm nhiệm một số chức năng cú pháp khác nhau, trong đó chức năng cú pháp cơ bản và phổ biến nhất là làm vị ngữ trong câu. Sự khác biệt giữa các động từ này bị chi phối bởi đặc trưng loại hình khác nhau của hai ngôn ngữ: sự thể hiện các quan hệ cú pháp qua các dạng thức khác nhau của ĐTCĐĐH trong tiếng Anh và việc sử dụng các hư từ, trật tự từ để biểu thị các quan hệ cú pháp của ĐTCĐĐH trong tiếng Việt. Về khả năng kết hợp, có sự khác biệt rõ rệt giữa khả năng kết hợp đa dạng, phong phú của các ĐTCĐĐH trong tiếng Việt với khả năng kết hợp có phần hạn chế của các ĐTCĐĐH trong tiếng Anh. Sự khác biệt về phương diện hình thái giữa ĐTCĐĐH trong tiếng Anh và tiếng Việt chịu sự chi phối của các đặc điểm loại hình.

Bài viết có thể làm tài liệu tham khảo cho việc dạy/ học tiếng Anh và tiếng Việt như một ngoại ngữ. Những tương đồng và khác biệt của nhóm ĐTCĐĐH trong tiếng Anh và tiếng Việt

về phương diện khả năng tạo tổ hợp mà bài viết đã chỉ ra có thể hữu ích trong công tác biên dịch, phiên dịch văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt cũng như biên soạn từ điển đối chiếu giữa hai ngôn ngữ.

NGỮ LIỆU KHẢO SÁT

1. Chu Lai, *Phố*, Nxb Văn học, 2018.
2. Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*, Trong *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, Nxb Văn học, 2010 (tái bản).
3. Margaret Mitchell, *Gone with the wind*, Green Light Press, 2012.
4. Sidney Sheldon, *If tomorrow comes*, Harper Collins e - books Press, 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
2. Nguyễn Lai, *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt*, Tủ sách Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội, 1990.
3. Nguyễn Minh, *Mô tả động từ vận động di chuyển tiếng Anh theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận của Leonard Talmy và Beth Levin*, Khoa học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 7, 2006.
4. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2012.
5. Nguyễn Thị Quy, *Thuộc tính ngữ nghĩa và ngữ pháp của vị từ tiếng Việt*, Nghiên cứu Giáo dục, số 2, 1994.

Tiếng Anh

6. Casandra, P., *The typology of motion verbs in northern Vietnamese*, Rice Working Papers, Vol.1, Feb, Rice University, 2009.
7. Hornby, A. S., *Advanced learner's encyclopedic dictionary*, Oxford University Press, 2015.
8. Quirk, R., and Greenbaum S., *A university grammar of English*, Longman, 1976.
9. Talmy, L., *Toward a cognitive semantics*, Vol. II: *Typology and process in concept structuring*, Cambridge, MA: The MIT Press, 2000.